

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số /TB--SGDDT ngày /4/2025)

Đơn vị: Trường PTDT nội trú tỉnh Điện Biên

Chương: 422

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường PTDT nội trú tỉnh Điện Biên					
		Tổng số	Loại 070				
			Tổng loại 070	Khoản 074			
A	B	1	2	3			
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	264.000	264.000	264.000			
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)						
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	264.000	264.000	264.000			
06	- Kinh phí đã nhận						

07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	264.000	264.000	264.000			
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	33.022.578.000	33.022.578.000	33.022.578.000			
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	17.135.640.000	17.135.640.000	17.135.640.000			
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	15.886.938.000	15.886.938.000	15.886.938.000			
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	33.022.842.000	33.022.842.000	33.022.842.000			
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	17.135.640.000	17.135.640.000	17.135.640.000			
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	15.887.202.000	15.887.202.000	15.887.202.000			
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	32.819.379.075	32.819.379.075	32.819.379.075			
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	16.964.008.275	16.964.008.275	16.964.008.275			
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	15.855.370.800	15.855.370.800	15.855.370.800			
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	32.819.379.075	32.819.379.075	32.819.379.075			
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	16.964.008.275	16.964.008.275	16.964.008.275			
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	15.855.370.800	15.855.370.800	15.855.370.800			
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	45.831.200	45.831.200	45.831.200			
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	14.000.000	14.000.000	14.000.000			
22	- Đã nộp NSNN						
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	14.000.000	14.000.000	14.000.000			
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	31.831.200	31.831.200	31.831.200			
26	- Đã nộp NSNN						
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	31.831.200	31.831.200	31.831.200			

29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	157.631.725	157.631.725	157.631.725			
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	157.631.725	157.631.725	157.631.725			
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	157.631.725	157.631.725	157.631.725			
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)						
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						

49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
59	- Số dư dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						

70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)	12.016.142	12.016.142	12.016.142			
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	12.016.142	12.016.142	12.016.142			
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)	108.490.780	108.490.780	108.490.780			
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	108.490.780	108.490.780	108.490.780			
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	120.506.922	120.506.922	120.506.922			

89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)	120.506.922	120.506.922	120.506.922			
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)	46.774.480	46.774.480	46.774.480			
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	46.774.480	46.774.480	46.774.480			
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	73.732.442	73.732.442	73.732.442			
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)	73.732.442	73.732.442	73.732.442			